

Bản án số: 18/2019/HS-ST
Ngày 28 – 8 – 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nga, ông Nguyễn Hoài Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Lâm Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Tấn A, sinh ngày 08 tháng 7 năm 1988 tại huyện C, tỉnh Gia Lai; Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn A1, sinh năm 1950 và con bà Phạm Thị H1, sinh năm 1952; Bị cáo có vợ là Phạm Thị Phi V, sinh năm 1989 và có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2018). Hiện nay chân, mẹ, vợ và các con bị cáo cư trú tại Thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai; Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/5/2019 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Ngô Đình Kh – Trợ giúp viên pháp lý

thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

- Bị hại: Chị Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1983 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Chị Phạm Thị Phi V, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai

- Người làm chứng:

+ Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: TDP T, thị trấn Kr, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 05/5/2019, Nguyễn Tấn A điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81P1 -278.96 (là tài sản chung của A và chị Phạm Thị Phi V) đi theo hướng xã H ra thị trấn Kr, huyện K thì thấy chị Lê Thị Tuyết M (trú tại thôn T, xã H) dắt xe mô tô do hết xăng. Sau đó A nói để đẩy giúp xe thì chị M đồng ý. Chị M ngồi trên xe của mình để A dùng chân phải đạp vào gác chân phía sau bên trái xe của chị M, được một đoạn A thấy điện thoại của chị M trôi lên túi quần sau nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Khi đến đoạn đường dốc thuộc TDP B, thị trấn Kr, A dùng tay phải giật điện thoại, chị M quay lại thấy A đang cầm điện thoại của mình nên tri hô lên thì A bỏ chạy về hướng thị trấn Kr và vào nhà nghỉ Nhịp điệu trẻ tại TDP T thuê một phòng nghỉ để trốn. A lấy điện thoại ra kiểm tra nhưng không mở được mật khẩu nên bỏ vào sọt rác của nhà nghỉ. Đến 14 giờ cùng ngày, A trả phòng nghỉ đi ra công thì bị Công an huyện K bắt giữ.

Vật chứng thu giữ, gồm: 01 điện thoại di động Sam Sung Galaxy J4 Plus; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, biển kiểm soát 81P1 -278.96; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 018952 do Công an huyện C, tỉnh Gia Lai cấp cho Nguyễn Tấn A ngày 14/8/2018.

Tại Bản kết luận định giá số 12/KL - ĐG ngày 08/5/2019 và Bản kết luận

định giá số 12B/KL-ĐG ngày 17/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Krông Bông kết luận: Điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J4 Plus trị giá 2.792.000 đồng; xe mô tô biển số 81P1 -278.96 trị giá 27.200.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 16/CT-VKS-HS ngày 08/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông truy tố bị cáo Nguyễn Tấn A về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tấn A đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Bị hại Lê Thị Tuyết M có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa và có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đồng thời đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm về phần trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Tấn A về tội: “Cướp giật tài sản”, theo cáo trạng số: 16/CT-VKS-HS ngày 08/8/2019, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn A mức án tù 03 năm đến 04 năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Đề nghị công nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại chiếc điện thoại di động Sam Sung Galaxy J4 Plus cho chủ sở hữu là chị Lê Thị Tuyết M.

Đề nghị tuyên tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị của chiếc xe, trả lại cho chị Phạm Thị Phi V $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hondan, loại xe Vision màu sơn đen đỏ, biển kiểm soát 81P1 – 278.96.

Tiếp tục tạm giữ xe mô tô biển kiểm soát 81P1 – 278.96 để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra để giải quyết.

Ý kiến tranh luận của người bào chữa cho bị cáo: Về tội danh, các biện pháp tự pháp, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Bị cáo nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa và không có ý kiến tranh luận bổ sung.

Ý kiến tranh luận của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Đồng ý với đề nghị của Viện kiểm sát về việc đề nghị tịch thu 1/2 giá trị của chiếc xe mà bị cáo đã sử dụng để phạm tội và trả lại 1/2 giá trị chiếc xe cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Phạm Thị Phi V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Bông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa: Xét thấy bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm và có đơn xin xét xử vắng mặt, việc người làm chứng vắng mặt đã có lời khai tại cơ quan Điều tra, không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, không có ai yêu cầu hoãn phiên tòa nên căn cứ vào khoản 1 Điều 292,

khoản 1 Điều 293, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[3]. Từ lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, tại các biên bản và các vật chứng thu giữ được có cơ sở kết luận: Vào khoảng 13 giờ ngày 05/5/2019, tại đoạn đường dốc thuộc TDP B, thị trấn Kr, Nguyễn Tấn A điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81P1 – 278.96 đã có hành vi dùng tay phải giật chiếc điện thoại Sam Sung Galaxy J4 Plus phía sau túi quần của chị Lê Thị Tuyết M (lúc này chị M đang điều khiển xe) rồi bị cáo điều khiển xe bỏ chạy. Trị giá tài sản bị cáo đã chiếm đoạt là 2.792.000 đồng.

[4] Hành vi của bị cáo Nguyễn Tấn A đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”. Do bị cáo đã dùng xe mô tô – là nguồn nguy hiểm cao độ – làm phương tiện phạm tội, bị cáo thực hiện hành vi đối với bị hại đang điều khiển xe mô tô lưu thông trên đường, có thể gây nguy hiểm đến tính mạng và sức khỏe của nạn nhân, của bản thân bị cáo và những người khác nên thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự. (Theo hướng dẫn tại tiểu mục 5.3 mục 5 phần I Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 của Toà án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp).

Điều 171 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ, có thể ảnh hưởng đến tinh thần của bị hại, gây mất trật tự trị an xã hội. Khi thực hiện hành vi cướp giật, bị cáo nhận thức rõ việc bị cáo chiếm đoạt tài sản là phạm pháp, thế nhưng bị cáo vẫn ngang nhiên thực hiện tội phạm tại khu vực đường lớn có nhiều xe qua lại, vào ban ngày, điều đó cho thấy hành vi của bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, táo bạo, xem thường pháp luật, cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất,

mức độ phạm tội của bị cáo nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Xét về nhân thân, cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có nhân thân tốt và đây là lần đầu bị cáo phạm tội, gia đình bị cáo rất khó khăn (thuộc diện hộ cận nghèo tại địa phương và có vợ đang nuôi con nhỏ (sinh năm 2018)), bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đó là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên HĐXX cần xem xét để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng nhân đạo của Pháp luật Nhà nước ta.

[6] Các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, khoản 1, khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm a, khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Cần công nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả chiếc điện thoại di động cảm ứng màu đồng, có ốp màu hồng, nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J4 Plus cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Lê Thị Tuyết M.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 81P1 – 278.96 thuộc sở hữu chung của bị cáo và chị Phạm Thị Phi V. Bị cáo đã sử dụng chiếc xe này làm phương tiện để phạm tội, chị V vẫn không biết nên cần tịch thu ½ giá trị chiếc xe để sung vào Ngân sách nhà nước và trả lại ½ giá trị chiếc xe cho chị V.

Kèm theo xe là Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 018952 mang tên Nguyễn Tấn A để xử lý cùng chiếc xe trên.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra để giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo thuộc hộ cận nghèo theo quy định của Chính phủ nên cần miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Xét đề nghị của Người bào chữa: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, trong khi bị cáo

chỉ có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51 và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, là không phù hợp nên không chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Tấn A phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn A 03 (ba) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 05/5/2019.

2. Các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, khoản 1, khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm a, khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Công nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại chiếc điện thoại di động cảm ứng màu đồng, có ốp màu hồng, nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J4 Plus cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Lê Thị Tuyết M.

Tuyên tịch thu ½ giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision màu sơn đen đỏ, biển kiểm soát 81P1 – 278.96 sung vào Ngân sách nhà nước và trả lại ½ giá trị chiếc xe cho chị Phạm Thị Phi V.

Kèm theo chiếc xe mô tô là giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 018952 do Công an huyện C, tỉnh Gia Lai cấp cho Nguyễn Tấn A.

Tiếp tục tạm giữ xe mô tô biển kiểm soát 81P1 – 278.96 để đảm bảo thi hành án. *(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk)*

3. Về án phí: Áp dụng Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

4. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tối cao ;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk ;
- Phòng PV 27 C an tỉnh Đắk Lắk ;
- CA huyện K ;
- Chi cục THADS huyện K ;
- Bị cáo; Bị hại ;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ;
- Lưu hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Thị Tâm